

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 5 - QUẢNG TRỊ

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 63/2025/QĐST-DS

Quảng Trị, ngày 29 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 04 tháng 9 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 113/2024/TLST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2024 và Văn bản trình bày ý kiến đối với kết quả hoà giải của bà Lương Thị Mỹ T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án lập ngày 25/9/2025,

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1.1. Nguyên đơn: Bà **Lê Thị T1**, sinh năm 1941; CCCD số: 045141003999; địa chỉ: Kiệt A đường L, phường N (phường Đ cũ), tỉnh Quảng Trị; Người đại diện theo uỷ quyền: Ông **Phạm Ngọc C**, sinh năm 1979; CCCD số: 045079003761; địa chỉ: Kiệt A đường L, phường N, tỉnh Quảng Trị (Giấy uỷ quyền lập ngày 28/10/2024);

1.2. Bị đơn: Bà **Phạm Thị S**, sinh năm 1953; CCCD số: 045153002914; địa chỉ: Kiệt A đường L, phường N (phường Đ cũ), tỉnh Quảng Trị; Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Ông **Hoàng P**, sinh năm 1958; CCCD số: 045058000589; địa chỉ: Khu phố C, phường N (Phường E cũ), tỉnh Quảng Trị;

1.3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1.3.1. Ông **Lương Văn Q**, sinh năm 1973; CCCD số: 045073004228 và bà **Võ Thị T2**, sinh năm 1977; CCCD số: 045177006382; địa chỉ: Khu phố D, phường N (phường Đ cũ), tỉnh Quảng Trị;

1.3.2. Chị **Lương Thị Thùy V**, sinh năm 1976; CCCD số: 045176004681; địa chỉ: Khu phố D, phường N (phường Đ cũ), tỉnh Quảng Trị;

1.3.3. Ông **Lương Thanh T3**, sinh năm 1984; CCCD số: 045084008303; HKTT: Khu phố D, phường N (phường Đ cũ), tỉnh Quảng Trị; nơi ở hiện tại: Số H đường T, phường Đ, tỉnh Quảng Trị.

1.3.4. Bà **Lương Thị Mỹ T**, sinh năm 1987; CCCD số: 045187000048; địa chỉ: 7 đường V, phường N, tỉnh Ninh Bình;

1.3.5. Bà **Lương Thị Mỹ H**, sinh năm 1991; CCCD số: 045191006553; địa chỉ: Khu phố D, phường N (phường Đ cũ), tỉnh Quảng Trị.

1.3.6. Bà **Lương Thị Thu H1**, sinh năm 1994; CCCD số: 045194008402; địa chỉ: Khu phố D, phường N (phường Đ cũ), tỉnh Quảng Trị.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nội dung giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất:

2.1.1. Bà Phạm Thị S có nghĩa vụ tháo dỡ phần nhà bếp xây dựng trên diện tích đất 7,9m² để trả lại phần đất thuộc nguồn gốc của bà Lê Thị T1 trước đây quy hoạch mở đường nên chưa cấp giấy, có các cạnh như sau: 0,95m, 4,6m, 0,9m theo Sơ đồ thửa đất của Văn phòng ĐKĐĐ tỉnh Q chi nhánh thành phố Đ (nay là Chi nhánh Văn phòng ĐKĐĐ Khu vực X) ngày 23/5/2025.

2.1.2. Bà Lê Thị T1 chuyển nhượng lại một phần diện tích đất cho bà Phạm Thị S được quyền sử dụng (phần đất có nhà của ông Q, bà T2), bao gồm: 9,2m² trong GCN quyền sử dụng đất số BV 398349 ngày 02/7/2015, và chỉnh lý sang tên bà Lê Thị T1 ngày 05/10/2023 và 45,2m² phần đất quy hoạch mở đường (chưa được cấp giấy) nhưng có nguồn gốc thuộc thửa đất của bà Lê Thị T1, tại vị trí mép ngoài phần đất chuyển nhượng là vị trí số 9 theo Sơ đồ thửa đất của Văn phòng ĐKĐĐ tỉnh Q chi nhánh thành phố Đ (nay là Chi nhánh Văn phòng Đ) ngày 23/5/2025 (Kèm theo sơ đồ thửa đất ngày 23/5/2025 và Trích lục bản đồ địa chính của bà Lê Thị T1 ngày 30/6/2025).

- Bà Phạm Thị S có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất bà T1 chuyển nhượng (9,2m² + 45,2m²) theo đúng quy định của pháp luật.

- Bà Lê Thị T1 có quyền và nghĩa vụ điều chỉnh diện tích đối với phần đất bà T1 chuyển nhượng cho bà Phạm Thị S (9,2m² + 45,2m²) theo đúng quy định của pháp luật.

2.1.3. Bà Phạm Thị S và ông Lương Văn Q, bà Võ Thị T2 có nghĩa vụ thanh toán cho bà Lê Thị T1 giá trị quyền sử dụng đất (9,2m² + 45,2m²) với số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng.

2.2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí thẩm định giá: Bà Phạm Thị S chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 8.861.000 (Tám triệu tám trăm sáu mươi một nghìn) đồng và chi phí thẩm định giá: 6.900.000 (Sáu triệu chín trăm nghìn) đồng. Bà Phạm Thị S có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Lê Thị T1 số tiền trên.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất chậm thi hành án quy định tại các Điều 357, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.3. Về án phí: Lê Thị T1 và bà Phạm Thị S là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên thuộc trường hợp được miễn tiền án phí đối với vụ án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND Khu vực 5 - Quảng Trị;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; Tập án .

Hồ Thị Xuân Hương